TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **17**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Minh Hoan
Ông Quan Văn Ngụ

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Thụy – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang **tham gia phiên tòa:** Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11/6/2025 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Mỹ T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn N, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

2. Bị đơn: Anh Mùng Văn H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, tỉnh Tuyên Quang (địa chỉ cũ: Thôn N, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

(*Nguyên đơn chị Nông Mỹ T và bị đơn anh Mùng Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và Đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nông Mỹ T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Mùng Văn H tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 01/3/2013. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không hợp về tính cách nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên

gia đình khuyên nhủ nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn mà ngày càng trầm trọng hơn nên đã sống ly thân với nhau từ tháng 02/2020 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai bên không hề có sự hỏi han, quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Mùng Văn H đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ, nuôi dạy con cái trưởng thành được nữa. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mùng Văn H, để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Mùng Văn H có 01 con chung là cháu Mùng Thị Khánh L, sinh ngày 19/01/2013. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Ly vẫn sống cùng anh H và mẹ đẻ anh H là bà Đàm Thị Ng nên khi ly hôn chị nhất trí giao cháu Mùng Thị Khánh L cho anh Mùng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh H không nhận nuôi cháu Ly hoặc cháu Ly có nguyện vọng sống cùng chị thì chị nhất trí nuôi dưỡng cháu Ly đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng đối với cháu Mùng Thị Khánh L.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung, không có vay nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Biên bản lấy lời khai và Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn anh Mùng Văn H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nông Mỹ T tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2012, đến ngày 01/3/2013 mới đến UBND xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang) đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại thôn N, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn N, xã X, tỉnh Tuyên Quang). Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh cũng xác định tình cảm vợ chồng với chị Nông Mỹ T đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên nhất trí ly hôn với chị Nông Mỹ T để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống hạnh phúc của riêng mình.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nông Mỹ T có 01 con chung là cháu Mùng Thị Khánh L, sinh ngày 19/01/2013. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Ly vẫn sống cùng anh và mẹ đẻ anh là bà Đàm Thị Ng nên khi ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mùng Thị Khánh L đến tuổi trưởng thành. Anh không yêu cầu chị Nông Mỹ T phải cấp dưỡng đối với cháu Mùng Thị Khánh L.

Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chưa tạo lập được tài sản, đất đai chung, không có vay nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Mỹ T:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Mỹ T được ly hôn với anh Mùng Văn H.

+ Về con chung: Giao cháu Mùng Thị Khánh L, sinh ngày 19/01/2013 cho anh Mùng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Mỹ T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

+ Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Mùng Văn H không phải nộp tiền án phí.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Nông Mỹ T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn với anh Mùng Văn H, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Mùng Văn H có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn N, xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn N, xã X, tỉnh Tuyên Quang) nên Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tuyên Quang) thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình xét xử vụ án, nguyên đơn chị Nông Mỹ T và bị đơn anh Mùng Văn H đều có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục mở phiên họp tiếp cận,

công khai chứng cứ và hòa giải, đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Mỹ T và anh Mùng Văn H tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 2012, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là xã X, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 01/3/2013. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Cuộc sống chung của hai vợ chồng ban đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mắng chửi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không thể hóa giải mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Cả chị Nông Mỹ T và anh Mùng Văn H đều xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể đoàn tụ mà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để giải phóng cho cả hai đi tìm cuộc sống mới. Do đó Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nông Mỹ T và anh Mùng Văn H đã đến mức độ trầm trọng, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Nông Mỹ T được ly hôn với anh Mùng Văn H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Các đương sự xác định quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Mùng Thị Khánh L, sinh ngày 19/01/2013. Quá trình giải quyết vụ án, cả hai bên đương sự đều xác định kể từ khi vợ chồng sống ly thân thì cháu Mùng Thị Khánh L sống cùng anh Mùng Văn H nên nguyên đơn chị Nông Mỹ T nhất trí giao cháu Mùng Thị Khánh L cho anh Mùng Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn anh Mùng Văn H cũng đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Mùng Thị Khánh L đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị Nông Mỹ T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Mùng Thị Khánh L. Trong Biên bản lấy lời khai, cháu Mùng Thị Khánh L cũng có nguyện vọng sống cùng với bố là anh Mùng Văn H. Do đó, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên và theo đề nghị của các đương sự và nguyện vọng của con, Hội đồng xét xử giao cháu Mùng Thị Khánh L cho anh Mùng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Mỹ T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Mùng Thị Khánh L và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

* Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác định không có tài sản, đất đai, vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Nông Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; bị đơn anh Mùng Văn H không phải nộp tiền án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nông Mỹ T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nông Mỹ T được ly hôn với anh Mùng Văn H (*Giấy chứng nhận kết hôn số 20, ngày 01/3/2013 tại UBND xã K, huyện S, tỉnh Tuyên Quang – Nay là UBND xã X, tỉnh Tuyên Quang*).

2. Về con chung: Giao cháu Mùng Thị Khánh L, sinh ngày 19/01/2013 cho anh Mùng Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nông Mỹ T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Mùng Thị Khánh L và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí:

Nguyên đơn chị Nông Mỹ T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003363, ngày 11/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Tuyên Quang). Ghi nhận chị Nông Mỹ T đã nộp đủ tiền án phí. Bị đơn anh Mùng Văn H không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nông Mỹ T và bị đơn anh Mùng Văn H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TA

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Hữu San